

Số: 269 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 22 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
“Khu nhà ở xã hội thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 147/TTr-TNMT ngày 20/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Khu nhà ở xã hội thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần bất động sản Vĩnh Phát (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường được thành lập theo Quyết định số 18/QĐ-TNMT ngày 09/01/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các số liệu trong hồ sơ, nội dung thẩm định, trình phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Khu nhà ở xã hội thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang”.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND huyện Yên Dũng, UBND thị trấn Nham Biền; Công ty Cổ phần bất động sản Vĩnh Phát và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH, KTN;
 - + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - + Lưu: VT, KTN.Bình.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ô Pích

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA
DỰ ÁN KHU NHÀ Ở XÃ HỘI THỊ TRẤN NHAM BIÊN,
HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG**
(Kèm theo Quyết định số 269 /QĐ-UBND ngày 22 /3/2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khu nhà ở xã hội thị trấn Nham Biên, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Địa điểm thực hiện: Thị trấn Nham Biên, huyện Yên Dũng.

- Chủ dự án: Công ty Cổ phần Bất động sản Vĩnh Phát.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi: Dự án thuộc địa phận thị trấn Nham Biên, huyện Yên Dũng.

* Quy mô của dự án: Dự án được xây dựng trên khu đất có diện tích 51.363m² theo quy hoạch chi tiết được duyệt, gồm các hạng mục: Nhà ở xã hội cao tầng, nhà ở thương mại thấp tầng, sân đường nội bộ, cây xanh, cảnh quan, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà nằm trong phạm vi ranh giới dự án hoàn chỉnh đồng bộ; công trình trường mầm non, công trình dịch vụ y tế phục vụ cho cộng đồng dân cư. Cụ thể:

- Các toà nhà ở xã hội: Xây dựng 06 toà tại các lô đất ký hiệu CT1 (gồm các toà CT1A, CT1B, CT2A, CT2B) và CT2 (gồm các toà CT3A, CT3B) tổng diện tích là 18,971m², cao 19 tầng, tổng diện tích xây dựng khoảng 8.400m², tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 141.000m², tổng số căn hộ khoảng 1.800 căn (diện tích căn hộ từ 30 m² đến 70m²);

- Dãy nhà ở thương mại thấp tầng: Xây dựng tại các lô đất ở thuộc phân lô ký hiệu LK tổng diện tích là 4.638m², gồm: Đầu tư xây thô và hoàn thiện mặt tiền 45 căn nhà ở liền kề thấp tầng; chiều cao tối đa 05 tầng; tổng diện tích xây dựng khoảng 4.174 m²; tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 19.125m²;

- Công trình trường mầm non: Xây dựng trên lô đất ký hiệu TH, diện tích xây dựng 1.264m²; công trình cao 03 tầng, diện tích xây dựng khoảng 1.264m², tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 3.792m².

- Công trình dịch vụ y tế (phòng khám): Xây dựng tại lô đất công cộng ký hiệu từ CC, với tổng diện tích 1.568m²; chiều cao xây dựng 02 tầng, diện tích xây dựng khoảng 630m², tổng diện tích sàn khoảng 1.260m².

- Xây dựng sân đường, cây xanh, cảnh quan, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà trong phạm vi ranh giới dự án hoàn chỉnh đồng bộ.

* Cơ cấu sản phẩm của dự án:

- Căn hộ chung cư nhà ở xã hội để bán và cho thuê tổng diện tích sàn ở khoảng 112.800 m², khoảng 1.800 căn hộ. Trong đó, diện tích nhà ở xã hội để bán tối đa là 80%, phần còn lại để cho thuê;

- Căn hộ liền kề thấp tầng nhà thương mại: Tổng số 45 căn, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 19.125 m²;

- Công trình cho thuê để kinh doanh dịch vụ giáo dục: Diện tích sàn 3.792m²;

- Công trình cho thuê để kinh doanh dịch vụ y tế: Diện tích sàn 1.260m².

* *Quy mô dân số của dự án*: Dự án hoàn thành, đưa vào sử dụng giải quyết nhu cầu chỗ ở cho khoảng 10.000 người.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình của dự án đầu tư gồm: Xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng; Xây dựng các công trình Nhà ở xã hội cao tầng, nhà ở thương mại thấp tầng, công trình trường mầm non, công trình dịch vụ y tế, công trình sân vườn cảnh quan, sân đường, cây xanh, cảnh quan, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà trong phạm vi ranh giới dự án hoàn chỉnh đồng bộ.

- Hoạt động của dự án đầu tư:

+ Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

+ Hoạt động vận hành dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 và Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 04/10/2022 của HĐND tỉnh tổng diện tích thu hồi đất để thực hiện Dự án khoảng 52.000m², trong đó 51.000m² đất lúa và 1.000m² đất khác.

Theo cáo báo đánh giá tác động môi trường của dự án, diện tích thực hiện dự án khoảng 51.363m², trong đó diện tích đất lúa phải chuyển mục đích sử dụng để thực hiện dự án khoảng 51.000m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Việc chiếm dụng đất, di dân và tái định cư: Dự án chiếm dụng khoảng 51.363m² đất, trong đó đất trồng lúa khoảng 51.000m² và các loại đất khác như đất giao thông, kênh mương...

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thi công:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ các nguồn sau:

++ Bụi, khí thải từ máy móc thi công xúc bốc, san gạt;

++ Bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông trong quá trình vận chuyển đất đá san lấp của dự án;

++ Bụi, khí thải do các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng;

++ Khí thải từ công đoạn hàn kim loại;

++ Bụi từ quá trình cấp phối đá dăm;

++ Hơi sơn, hơi hữu cơ từ hoạt động sơn các khối nhà.

++ Bụi, hơi nhựa phát sinh từ hoạt động làm sạch bề mặt đường cấp phối, trải bê tông asphal - Bê tông nhựa nóng (BTNN);

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng trên công trường; nước thải từ quá trình thi công, rửa máy móc thiết bị và nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng; chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động vận chuyển đất đá san nền và chất thải rắn xây dựng phát sinh do hoạt động thi công xây dựng dự án; chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công, xây dựng.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động của các hộ dân, khu công cộng.

+ Phát sinh nước thải, rác thải từ các hộ dân, khu công cộng từ các khối nhà cao tầng, khu căn hộ liền kề, khu trường học, trung tâm y tế.

+ Phát sinh bụi, khí thải từ hoạt động giao thông trên các tuyến đường nội bộ dự án; khí thải từ hệ thống điều hòa không khí; bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng; mùi hôi phát sinh từ các điểm tập kết chất thải rắn, trạm xử lý nước thải (XLNT) tập trung của dự án.

+ Chất thải nguy hại gồm dầu thải, giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang hỏng, chai, lọ bình chứa thành phần nguy hại (như: hộp đựng dầu mỡ bôi trơn tổng hợp, chai đựng hóa chất tẩy rửa, bình xịt muối,...)

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

+ Phát sinh chất rắn từ quá trình bảo dưỡng, duy tu công trình hạ tầng kỹ thuật, bùn thải từ trạm XLNT, bùn thải từ nạo vét bề mặt tự hoại.

+ Sự cố, rủi ro về: Nguy cơ chập cháy hệ thống điện; nguy cơ tai nạn giao thông, nguy cơ hư hỏng các công trình xử lý chất thải, sự cố kỹ thuật, sự cố dịch bệnh, vệ sinh thực phẩm,...

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án: Phát sinh vào những ngày mưa to, chảy tràn cuốn theo các chất bẩn vào nguồn tiếp nhận.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng phát sinh khoảng 13,5 m³/ngày, thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), dầu mỡ động thực vật, tổng Coliforms,...

+ Nước thải thi công, xây dựng phát sinh khoảng 5 – 7m³/ngày.đêm; thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD, tổng dầu mỡ khoáng,...

+ Nước mưa chảy tràn trên khu vực thi công xây dựng cuốn trôi đất đá và dầu mỡ tạo thành dòng nước ô nhiễm gây tắc hệ thống thoát nước của khu vực và ảnh hưởng tới chất lượng nước của kênh tiêu thoát nước nơi tiếp nhận nước mưa. Thông số ô nhiễm đặc trưng là COD, TSS, dầu mỡ,...

- Bụi, khí thải

+ Bụi phát sinh từ hoạt động đào đắp, san gạt mặt bằng dự án; từ quá trình xúc bốc dỡ nguyên vật liệu (cát, sỏi,...); từ hoạt động thổi bụi lớp móng cấp phối đá dăm trước khi rải nhựa. Thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi.

+ Khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển đất san lấp và nguyên vật liệu thi công, xây dựng; từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công xây dựng. Thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO₂, NO₂, bụi,...

+ Khí thải từ công đoạn hàn có thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO_x, khói hàn.

+ Khí thải phát sinh từ hoạt động trải bê tông nhựa nóng có thông số ô nhiễm đặc trưng là VOC và các hợp chất hữu cơ,...

+ Bụi, khí thải hơi sơn từ quá trình sơn tường nhà chủ yếu là VOC và các hợp chất hữu cơ,...

3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn nguy hại

* Chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ khu vực ăn uống của công nhân thi công xây dựng khoảng 60kg/ngày.

- Ngoài ra, còn có lượng đất đá rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển đất đắp từ mỏ đất đến dự án, khoảng 4,6 tấn.

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động thi công, xây dựng phát sinh khoảng 141,5 kg/ngày chủ yếu là bao bì carton, dây dứa, ba via, đầu mẫu thừa, sắt thép, vỏ bao xi măng, gạch vỡ, bê tông thừa...

* Chất thải nguy hại: Từ hoạt động thi công, máy móc thi công xây dựng như giẻ lau dính dầu mỡ, dầu tổng hợp thải,... phát sinh khoảng 125 kg/tháng.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy móc thiết bị xây dựng, thi công các hạng mục công trình dự án; từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu. Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT áp dụng đối với tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT áp dụng đối với độ rung.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế xã hội khu vực; tác động đến giao thông khu vực; tác động đến sản xuất nông nghiệp, dịch vụ; tác động đến hệ thống tiêu thoát nước khu vực, tác động cảnh quan, hệ sinh thái, tác động đến giao thông khu vực, tín ngưỡng, khu tập kết rác thải địa phương,...

- Tác động do sự cố như: Sự cố tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ, chập điện; sự cố do thiên tai,...

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải:

+ Tổng lưu lượng cấp nước cho các nguồn phát sinh nước thải của dự án là 1.451,4 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), dầu mỡ động thực vật, Amoni, tổng Coliforms...

+ Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án cuốn theo các chất bẩn vào nguồn tiếp nhận.

- Bụi, khí thải:

+ Khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông có thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, CO, NO₂, SO₂...;

+ Khí thải từ hoạt động đun nấu của các hộ dân có thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO₂, NO_x, THC...

+ Mùi hôi từ hệ thống thu gom nước thải, khu tập kết rác thải với thông số ô nhiễm đặc trưng là NH₃, H₂S,...

+ Khí thải từ hoạt động của máy điều hòa nhiệt độ.

3.2.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn nguy hại

- Chất thải rắn thông thường bao gồm: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ khu đất ở khoảng 4.364 kg/ngày. Bùn thải phát sinh từ các bể tự hoại của các công trình khoảng 400 m³/năm. Bùn thải từ trạm xử lý nước thải tập trung khoảng 194,7 kg/ngày. Chất thải từ quá trình bảo dưỡng, duy tu công trình hạ tầng kỹ thuật khoảng 12,6 m³/năm.

- Chất thải nguy hại từ hoạt động của khu dân cư như dầu thải, giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang hỏng, chai, lọ, bình chứa thành phần nguy hại,.. phát sinh tối đa khoảng 2.851,5 kg/năm..

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của phương tiện giao thông; từ hoạt động máy phát điện dự phòng, ...

3.2.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực; đến an ninh trật tự,...

- Tác động do sự cố như: Sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; sự cố bão lụt, ngập úng; sự cố hệ thống thu gom, xử lý nước thải, sự cố kỹ thuật, sự cố dịch bệnh, vệ sinh thực phẩm,...

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

* Nước thải sinh hoạt: Lắp đặt 02 nhà vệ sinh di động có bể tự hoại 03 ngăn (thể tích 15m³/bể) để thu gom nước thải của công nhân trên công trường. Định kỳ (1 tháng/lần), Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút bùn cặn đem đi xử lý theo quy định. Khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng, chủ đầu tư sẽ thuê đơn vị có chức năng đến để thu gom toàn bộ lượng cặn trong bể tự hoại và cho công nhân dỡ bỏ, bàn giao, trả lại nhà cung cấp.

* Nước thải thi công

- Xử lý lắng lọc nước thải trước khi đầu nối với đường thoát nước mặt chung của khu vực địa phương.

- Bố trí các hố lắng trong khu vực thi công. Hố lắng có kích thước 40x40x40cm.

* Nước mưa chảy tràn

- Vạch tuyến phân vùng thoát nước mưa trong và xung quanh khu vực thi công theo độ dốc tự nhiên để thu gom nước mưa tránh chảy tràn lan ra bên ngoài.

- Nước mưa từ khu trộn vật liệu xây dựng được dẫn vào hệ thống thu gom, xử lý sơ bộ lắng cặn trước khi thoát ra môi trường.

- Định kỳ (01 tháng/lần) kiểm tra, nạo vét, khơi thông không để phế thải xây dựng xâm nhập vào đường thoát nước gây tắc nghẽn.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Các phương tiện vận chuyển đất đá khi tham gia giao thông có các tấm bạt che phủ kín nhằm hạn chế tối đa các tác động do bụi rơi vãi và khuếch tán vào môi trường không khí do tác dụng của gió.

- Phun nước dập bụi trong khu vực thi công tần suất 2-4 lần/ngày. Bố trí xe tưới Chủ dự án trang bị xe tưới nước có dung tích bồn chứa khoảng 5m³. Công tác tưới nước được thực hiện trong ngày (trừ những ngày mưa) nhằm giảm lượng bụi phát tán trong không khí.

- Khu vực san nền được che chắn nhằm giảm phát tán bụi, khí thải trong quá trình thi công. Chủ dự án sẽ tiến hành che chắn xung quanh khu vực san nền bằng hàng rào tôn cao 2m, bao quanh khu vực thi công dự án.

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân như: Khẩu trang, mũ, ủng, quần áo bảo hộ lao động trong khi làm việc để bảo đảm sức khỏe cho người công nhân lao động.

- Bố trí khu vực rửa bánh xe vận chuyển nguyên vật liệu, đất san lấp trước khi ra khỏi công trình để tránh kéo theo bùn đất ra đường gây bụi, mất an toàn giao thông, mất cảnh quan môi trường của khu vực do khu vực có mật độ người, phương tiện tham gia giao thông cao. Khu vực rửa xe được xây dạng máng nước, có gờ cao 10cm chắn nước, rộng 5m, dài 10m. Mức nước trong máng cao từ 5-7cm.

- Thường xuyên bố trí công nhân đi thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi trên đường để hạn chế việc phát tán bụi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Quá trình hàn thực hiện trong khu vực riêng biệt, chủ dự án bố trí tại khu vực khuất gió, cách xa khu vực dân cư, hạn chế phát tán khói hàn ra xung quanh. Công nhân làm việc trực tiếp trong quá trình hàn được trang bị kính mắt, khẩu trang hoạt tính, bảo hộ lao động,... để đảm bảo an toàn lao động, sức khỏe cho công nhân.

- Đối với bụi phát sinh từ hoạt động thổi bụi lớp móng cấp phối đá dăm trước khi rải nhựa và khí thải từ hoạt động trải bê tông nhựa nóng:

+ Trước khi thực hiện công tác thổi bụi, tiến hành quét dọn bề mặt đường, thu dọn bùn đất rơi vãi. Quá trình quét dọn mặt đường tiến hành liên tục để hạn chế bụi phát tán khi đưa máy thổi bụi vào hoạt động.

+ Tưới ẩm nhiều lần cho tầng móng liên tục trong vài ngày trước khi rải nhựa; khi thi công qua khu vực gần khu đông dân cư cần hạn chế việc thổi bụi với công suất lớn mà thổi với công suất nhỏ, từ từ; tiến hành phun nước quanh vùng để hạn chế bụi khuếch tán rộng.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thực hiện công tác thổi bụi như: Kính mắt, khẩu trang, quần áo bảo hộ....

- Đối với việc sơn tường nhà thực hiện quy trình sơn đúng kỹ thuật đảm bảo tiết kiệm nguyên liệu, hạn chế ảnh hưởng đến xung quanh cho nước sơn bị rơi, bắn ra ngoài. Chú ý biện pháp sơn đối với các khối nhà khi thi công trên cao, sơn rơi vãi ra xung quanh, có thể xảy ra hiện tượng đổ vào các đối tượng bên dưới, chủ dự án thiết kế biện pháp: vây lưới bao quanh khối nhà, bắc giàn giáo, bố trí các thiết bị hứng nước sơn,...

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

* Chất thải sinh hoạt

- Tuyển dụng công nhân tại địa phương có điều kiện ăn nghỉ tại nhà nhằm giảm bớt lượng rác thải sinh hoạt phát sinh.

- Lập các nội quy về trật tự, vệ sinh và bảo vệ môi trường trong tập thể công nhân.

- Bố trí 03 thùng chứa rác thải sinh hoạt có dung tích 120 lít tại khu vực lán trại tạm và hợp đồng với tổ vệ sinh tại địa phương định kỳ đến vận chuyển mang đi xử lý theo quy định tần suất 1ngày/lần.

* Chất thải đất đá thải quá trình đào đắp đất

- Toàn bộ lượng bùn và đất đào hữu cơ từ quá trình nạo vét được tận dụng toàn bộ để đắp vào khu vực cây xanh và các lô đất ở trong dự án, không vận chuyển ra ngoài.

* Biện pháp giảm thiểu do đất đá rơi vãi:

- Thực hiện trở đất đá không vượt quá trọng tải xe.

- Tất cả các xe phải có bạt che phủ không để đất đá thải rơi vãi.

- Bố trí công nhân đi thu dọn nếu để xảy ra việc đất đá rơi vãi trên đường vận chuyển, thu gom, vận chuyển về san nền công trình của dự án.

- Nâng cao ý thức của công nhân trong việc vận chuyển, đổ đất đá đúng nơi quy định.

- Tận dụng đất đá rơi vãi làm nguyên liệu san lấp mặt bằng ngay tại dự án.

* Đối với lượng đất đào trong quá trình đào đắp: Đối với lớp đất bóc được thu gom, bố trí vị trí đổ thải ở phía Đông Bắc của dự án với diện tích bãi đổ thải tạm thời là 300 m². Lớp đất này sẽ được tận dụng đổ hố trồng cây giai đoạn trồng cây xanh, tạo khuôn viên hoàn thiện dự án. Trong quá trình lưu trữ chủ dự án sẽ dùng bạt che phủ khi trời mưa để giảm thiểu đất bị cuốn trôi.

* Chất thải xây dựng

- Sắt, thép, bao bì, gỗ... được thu gom tái sử dụng cho mục đích khác hoặc bán cho các đơn vị thu mua; đối với các chất thải rắn vô cơ là đá, cát, sỏi, xi măng chết,...: được thu gom và tận dụng làm nguyên liệu san lấp mặt bằng trong phạm vi xây dựng cơ sở hạ tầng cho dự án.

- Tập kết vật liệu đúng nơi quy định, thu gom, xử lý chất thải xây dựng, vỏ bao bì... tránh gây ảnh hưởng đến môi trường. Đối với các loại chất thải còn lại, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý đúng quy định (tần suất 1 tuần/lần).

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Bố trí 04 thùng phuy có dung tích 200 lít để thu gom, lưu trữ. Mỗi thùng chứa chất thải nguy hại (CTNH) dán nhãn tên chất thải nguy hại, mã chất thải nguy hại, lưu chứa tại kho chứa CTNH có diện tích 10m² tại phía Đông Bắc của Dự án, kết cấu tôn ghép, cửa lưới thép, có biển cảnh báo. Thực hiện việc quản lý, xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Không sử dụng máy móc thiết bị cũ lạc hậu có khả năng gây ồn cao.
- Trang bị phương tiện bảo hộ lao động để chống ồn, đảm bảo sức khỏe cho công nhân.
- Không sử dụng máy đầm rung, lu rung gây rung động lớn, ảnh hưởng đến kết cấu công trình hiện trạng.
- Kiểm tra mức ồn, rung trong quá trình xây dựng, từ đó đặt ra lịch thi công cho phù hợp để đạt mức ồn tiêu chuẩn cho phép theo các quy chuẩn hiện hành.

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Trong quá trình san lấp mặt bằng định kỳ nạo vét, khơi thông dòng chảy xung quanh khu vực. Không để đất đá chảy tràn lan xuống các vùng đất trũng, hệ thống thoát nước khu vực
- Phối hợp với chính quyền địa phương để đưa ra các phương án thoát nước phù hợp với khu vực, giảm thiểu ngập úng khi có sự cố.
- Tuân thủ quy định về trọng tải và bố trí các phương tiện vận chuyển phù hợp đối với các tuyến đường giao thông đi qua.
- Công nhân trực tiếp làm việc tại công trường sẽ được tập huấn, hướng dẫn các phương pháp phòng chống cháy nổ.
- Lập hàng rào ngăn hoặc biển báo hướng dẫn những nơi nguy hiểm tại công trường, tại các nút giao thông, kho chứa các chất dễ cháy nổ...
- Trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động để hạn chế các rủi ro tai nạn lao động có khả năng xảy ra, ảnh hưởng đến sức khỏe của người lao động.
- Thực hiện đắp taluy, gia cố chắc chắn, không để xảy ra hiện tượng sạt đất đá vào nguồn nước (mương, kênh tưới tiêu) của khu vực.
- Vào những ngày mưa bão thường xuyên cắt cử cán bộ, công nhân đi kiểm tra sự sụt lún, bồi lấp dòng chảy và có biện pháp khắc phục kịp thời.
- Thực hiện duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa các đoạn đường bị hư hỏng do dự án gây ra.

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải tại các khu vực khối nhà cao tầng và các khối nhà ở thấp tầng được thu gom vào các công trình bể tự hoại tại các khu, nước thoát sàn theo đường cống B400 và đầu nối vào hệ thống cống thoát nước thải D300 về trạm XLNT tập trung công suất 1.500m³/ngày.đêm, cuối cùng thoát vào mương xây hiện trạng (kênh tưới N4). Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột A trước khi thải ra môi trường tiếp nhận.

- Nước mưa chảy tràn:

Hệ thống thoát nước mưa của khu vực dự án xây dựng là hệ thống thoát nước riêng với hệ thống thoát nước thải.

Nước mưa sau khi được thu từ sêlô ngoài vào ống thoát từ trên mái của các công trình cùng với nước mưa chảy tràn trên mặt bằng sẽ được thu bằng hệ thống giếng thu gom, sau đó nối chảy qua đường vào hệ thống cống chính bố trí dưới hè đường. Trên cống có bố trí các hố ga (30 - 40 m/hố ga). Vừa để thu nước mưa đồng thời lắng đất cát.

Đường ống thoát nước mưa có đường kính từ D600 đến D1000 kết hợp hố ga thu nước, cuối cùng dẫn vào hệ thống thoát nước theo quy hoạch chung của khu vực theo đường cống hộp B1800. Tạm thời dự án đầu nối nước mưa vào mương xây hiện trạng (kênh tưới N4) của khu vực, sau khi cống B1800 hoàn thiện sẽ đầu nối vào hệ thống cống này theo đúng quy hoạch.

4.2.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Thường xuyên quét dọn, vệ sinh mặt đường nhằm hạn chế thấp nhất lượng bụi đất, lá cây trên mặt đường.

- Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn phát sinh, không để chất thải rắn tồn đọng qua ngày hôm sau và các thùng chứa chất thải rắn đều có nắp đậy.

- Bố trí các làn đường dẫn vào bãi đỗ xe phải hợp lý; phương tiện ra vào phải theo đúng quy định hướng dẫn của người quản lý; các xe máy khi vào bãi để xe phải tắt máy.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Tại các khối nhà cao tầng, mỗi tầng đều bố trí các thùng chứa rác thải có nắp đậy đặt tại phòng gom rác ở từng tầng. Các loại chất thải được phân loại thành các nhóm tái chế, rác hữu cơ, rác cần xử lý theo các loại thùng chứa được sơn màu khác nhau để người dân phân loại ngay tại nguồn. Hàng ngày có công nhân thu gom từng tầng xuống khu tập kết rác của dự án (ký hiệu số 10 trên bản vẽ tổng mặt bằng).

- Đối với các khu trường học, khu y tế bố trí các thùng chứa rác có nắp đậy dung tích 120 - 150 lít thu gom lưu chứa tạm thời chất thải và có công nhân vệ sinh thu gom về khu tập kết rác thải của dự án.

- Rác thải công cộng: Trên các trục đường giao thông nội bộ, khu công cộng tiến hành đặt các thùng rác có nắp đậy kín dung tích khoảng 90 - 120 lít. Mỗi vị trí đặt 2 thùng rác cạnh nhau ghi rõ biển hiệu trên mỗi thùng phân loại rác thải hữu cơ và rác thải vô cơ. Hàng ngày, công nhân vệ sinh sẽ thu gom rác ở

các thùng và tập kết tại kho lưu giữ rác thải để xe vận chuyển rác của đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý.

Khu tập kết rác thải của dự án có diện tích khoảng 85m², được thiết kế nền bê tông, mái che bằng tôn, xây gờ cao 10cm bao quanh khu vực tập kết và có hồ thu nước rỉ rác, không để nước rỉ rác chảy tràn ra xung quanh. Nước rỉ được thu gom đưa vào trạm xử lý nước thải của dự án. Trong khu tập kết có bố trí các thùng chứa rác phân loại theo từng loại chất thải tái chế, tái sử dụng và chất thải phải xử lý.

Ban quản lý dự án chịu trách nhiệm hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển hàng ngày (tần suất vận chuyển 01 lần/ngày).

- Đối với bùn thải từ quá trình nạo vét: Bùn thải từ hệ thống hố ga, cống thoát nước, bể tự hoại, bùn từ trạm xử lý nước thải tập trung định kỳ nạo vét và được thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển. thời gian nạo vét định kỳ 6 tháng/lần, thời gian vận chuyển bùn thải được thực hiện cùng với quá trình nạo vét.

4.2.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh được thu gom và phân loại tại nguồn phát sinh của từng khu vực. Sau đó đưa vào kho theo quy định.

- Bố trí một kho chứa chất thải nguy hại của có dán nhãn “Kho chứa chất thải nguy hại” diện tích khoảng 12m² tại khu vực kỹ thuật rác (ký hiệu số 10 trên bản vẽ tổng mặt bằng), cạnh khu vực trạm XLNT tập trung của dự án.

Kho chứa có kết cấu tường xây bằng gạch, chất vữa, có cửa khép kín, mái lợp tôn chống nóng. Bên trong bố trí các thùng chứa dung tích 120l, riêng biệt cho từng loại chất thải, dán nhãn có ghi tên và mã chất thải nguy hại lên các thùng. Xung quanh tường kho, thiết kế rãnh thu, thoát nước trường hợp tràn đổ chất thải lỏng ra sàn kho. Bên trong kho bố trí bình bột CO₂, dụng cụ xẻng, bao cát phòng ngừa, ứng phó khi sự cố tràn đổ, cháy nổ xảy ra trong kho.

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Trồng cây xanh xung quanh dự án có tác dụng hấp thu tiếng ồn, chặn sự di chuyển của chất ô nhiễm từ đường giao thông bên cạnh tới dự án, đồng thời tạo cảnh quan đẹp, điều tiết vi khí hậu khu vực.

4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Mạng lưới cấp nước cho hệ thống phòng cháy, chữa cháy của khu vực thực hiện dự án.

- Đối các với khối nhà cao tầng: Để đảm bảo an toàn về phòng cháy chữa cháy cũng như tầm quan trọng của công trình do vậy, bố trí trạm bơm chữa cháy vách tường kết hợp trạm bơm chữa cháy tự động sprinkler.

- Thường xuyên nạo vét hệ thống cống rãnh, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước cho hệ thống thoát nước trong mùa mưa bão.

- Dự phòng máy bơm nước cưỡng bức trong trường hợp ngập úng.

- Vệ sinh đường cống thoát nước thải, tránh ứ đọng, ứ đọng chất thải rắn trong đường cống dẫn nước thải. Thường xuyên kiểm tra đường cống thoát nước, tránh tắc, ứ đọng (kiểm tra hàng ngày và khi trời mưa).

- Thực hiện phân chia làn đường, kẻ vạch đường chỉ dẫn, lắp biển báo giao thông, bật đèn đường chiếu sáng vào ban đêm.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

** Giám sát môi trường không khí*

- Vị trí giám sát:

- + 01 vị trí trong khu vực công trường xây dựng về phía bắc dự án.

- + 01 vị trí trong khu vực công trường xây dựng về phía nam dự án.

- Thông số giám sát: Bụi, SO₂, NO_x, CO, tiếng ồn, độ rung.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bụi - Giới hạn giá trị tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.2. Giai đoạn vận hành

** Giám sát định kỳ đối với nước thải*

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại cống thoát nước thải sinh hoạt sau trạm xử lý nước thải công suất 1500m³/ngày.đêm trước khi đổ ra môi trường tiếp nhận.

- Thông số giám sát: BOD₅, Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P), tổng Coliforms.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt, cột A.

** Giám sát tự động, liên tục đối với nước thải*

- Vị trí giám sát: Tại mương quan trắc online.

- Thông số giám sát: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni.

- Tần suất giám sát: Liên tục

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt, cột A.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện trách nhiệm của chủ dự án đầu tư theo quy định tại Điều 37 Luật bảo vệ môi trường, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác về trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải.

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ các hoạt động của dự án.

- Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 147/TTr-TNMT ngày 20/3/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.